

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 01 - 2024

V/v: "Xin ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Cẩm Nhung

Bà Đinh Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: Kapelen S.11 76437 Rastatt, Đ; địa chỉ liên hệ: 8 P (số mới 1 T), Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Như Đ1, sinh năm 1957, địa chỉ: M. 37 21762 O, Đ.

(Bà T có mặt, ông Đ1 xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:
Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Như Đ1 đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/1987 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn hai người có thời gian tìm hiểu, ông Đ1 là nghiên cứu sinh tại T, sau đó chuyển sang Đức làm việc. Đến năm 1993, ông Đ1 có đưa vợ con sang Đức để đoàn tụ. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Đ1 phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau nên tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được, ông Đ1 cũng đã lập gia đình với người phụ nữ khác. Đến đầu năm 2013, bà trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông Đ1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Lê Như H, sinh năm 1991, Monika Thanh Hà L, sinh năm 1994 và Melanie Thanh Phương L1, sinh năm 1994. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và có công việc làm ổn định, việc các cháu muốn ở với ai là do các cháu tự quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo bản tự khai của ông Lê Như Đ1 được chứng thực của Đ2 tại Công hòa liên bang Đ3 ngày 22/5/2023:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị T có đăng lý kết hôn vào năm 1987 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian chung sống do không hợp tính cách và lối sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Lê Như H, sinh năm 1991, Monika Thanh Hà L, sinh năm 1994 và Melanie Thanh Phương L1, sinh năm 1994. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, việc các cháu muốn ở với ai là do các cháu tự quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tiến hành mở phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng không hòa giải được do bị đơn ông Lê Như Đ1 có đơn đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Như Đ1, hiện đang cư trú tại địa chỉ: M. 37 21762 O, Đ. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn đang sinh sống tại Đức. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đ1 đã có bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bản tự khai của ông Đ1 đã được chứng thực của Đ2 tại C liên bang Đ, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Như Đ1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Lê Như Đ1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Giấy chứng nhận kết hôn số 299, Quyền số 03), hôn nhân do hai bên tự nguyện. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định.

[2.1] Quá trình sống chung ông Đ1, bà T đều thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 1993, ông Đ1 có đón bà T và các con sang Đức để gia đình đoàn tụ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2013, bà T trở về Việt Nam sinh sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian này, thì ông Đ1 cắt đứt mọi liên lạc với bà. Nay cả ông Đ1 và bà T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Tuy nhiên, do ông Lê Như Đ1 vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không công nhận sự thỏa

thuận về việc thuận tình ly hôn mà căn cứ các quy định tại Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà T, ông Đ1 được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Lê Như H, sinh năm 1991, Monika Thanh Hà L, sinh năm 1994 và Melanie Thanh Phương L1, sinh năm 1994. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và có công việc làm ổn định.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông Đ1 xác định hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do bà Phạm Thị T, sinh năm 1958 thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, 55, 56, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 16 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ N và Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị T. Cho bà Phạm Thị T và ông Lê Như Đ1 được ly hôn.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bà Phạm Thị T.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Lê Như Đ1 được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự (02);
- Lưu AV – HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Thanh

